| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐIỆN BIÊN**<br>TỈNH ĐIỆN BIÊN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **08**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2020
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà **Vũ Thị Tuyến**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà **Bạc Thị Kiên**

Bà **Nguyễn Thị Tâm**

***- Thư ký phiên toà***: Bà **Nguyễn Thu Hương** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Khúc Thị H** - Sinh năm: 1995; Địa chỉ: Thôn 10 Y, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Hoàng Văn H1** - Sinh năm: 1985; Địa chỉ: Thôn 10 Y, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2020 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Khúc Thị H trình bày:**

- *Về hôn nhân:* Chị H và anh H1 kết hôn với nhau trên cơ sở bị ép buộc (do bố mẹ chị H ép buộc lấy anh H1) và có đăng ký vào ngày 17/12/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của anh chị rất ít hòa thuận và hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra từ tháng 12/2019. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh chị đã được hai bên gia đình hòa

giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Chị H và anh H1 đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2020 cho đến nay. Nay tình cảm của chị H đối với anh H1 không còn nữa, vì vậy chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

- *Về con chung:* Anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Khánh L - sinh ngày 30/9/2015, hiện cháu đang ở với anh H1 kể từ khi anh chị sống ly thân với nhau.

Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2020 và bản tự khai ngày 09/3/2020 chị H trình bày do hiện nay chị H chưa có điều kiện để nuôi con chung nên chị có nguyện vọng để cho anh H1 được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L, khi nào có điều kiện chị H đề nghị thay đổi quyền nuôi con đối với cháu L sau. Đề nghị Tòa án giao cháu L cho anh H1 được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/3/2020 chị H trình bày: Do anh H1 không có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng Khánh L, vì vậy chị H sẽ nhận trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L.

Tại phiên tòa chị H khai: Chị H có chỗ ở ổn định, về thu nhập của chị H từ nghề bán hàng sản phẩm chăm sóc sức khỏe được khoảng 4.000.000 đồng - 5.000.000 đồng/1 tháng, chị H đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L. Vì vậy, chị H đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và yêu cầu anh H1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu L là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng)/1 tháng.

- *Về quan hệ tài sản:*

+ Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ lấy về: Không có.

**Tại bản tự khai ngày 09/3/2020, biên bản hòa giải ngày 11/3/2020 bị đơn anh Hoàng Văn H1 trình bày:**

- *Về hôn nhân*: Anh H1 và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện (anh H1 thừa nhận lúc đầu là do bố mẹ chị H ép chị H phải lấy anh H1, nhưng sau đó chị H hoàn toàn đồng ý kết hôn với anh H1) và có đăng ký vào ngày 17/12/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn, anh H1 không nhất trí với những nguyên nhân như chị H đã trình bày, theo anh H1 cuộc sống chung của anh chị sau khi kết hôn vẫn hòa thuận hạnh phúc, không có chuyện đánh đập hay to tiếng làm mất trật tự xã hội. Tuy nhiên trong 6 năm chung sống với nhau cũng có 7 lần xảy ra xô sát nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt chưa đến mức phải ly hôn. Cho đến nay anh H1vẫn còn tình cảm với chị H, vì vậy anh H1 không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị được đoàn tụ.

- *Về con chung:* Anh H1 và chị H có 01 con chung là cháu Hoàng Khánh L - sinh ngày 30/9/2015, hiện cháu đang ở với anh H1 kể từ khi anh chị sống ly

thân với nhau tháng 02/2020. Nếu phải ly hôn anh H1 có nguyện vọng để cho chị H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháy L vì cháu còn rất nhỏ cần đến sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nhiều hơn và anh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu L là 500.000 đồng/1 tháng. Tuy nhiên do anh H1 không nhất trí ly hôn nên đề nghị Tòa án chưa giải quyết việc giao con chung.

- *Về quan hệ tài sản:*

+ Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ lấy về: Không có.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]. Về tố tụng:** Đây là vụ án Ly hôn giữa chị Khúc Thị H và anh Hoàng Văn H1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh H1 vẫn không đến tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh H1 không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2]. Về nội dung**:

**) Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp trên cơ sở được pháp luật công nhận, cả hai anh chị đều thừa nhận việc anh chị kết hôn với nhau lúc đầu là do bố mẹ chị H ép buộc chị H phải lấy anh H1, nhưng sau đó chị H đã tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chị H cho rằng cuộc sống chung của anh chị rất ít hòa thuận, hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra từ tháng 12/2019, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau (được chứng minh tại Đơn đề nghị ngày 10/3/2020 của chị Khúc Thị H có xác nhận của chính quyền địa phương, BL: 34 và đơn xin ly hôn ngày 22/02/2020 của chị H có chữ ký của anh H1 đồng ý ly hôn BL: 37, 38) nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2020 cho đến nay, vì vậy chị H tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với anh H1. Anh H1 cho rằng cuộc sống chung của anh chị sau khi kết hôn vẫn hòa thuận hạnh phúc, không có chuyện đánh đập hay to tiếng làm mất trật tự xã hội. Tuy nhiên trong 6 năm chung sống với nhau cũng có 7 lần xảy ra xô sát nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt chưa đến mức phải ly hôn, vì vẫn còn tình cảm với chị H nên anh H1 không nhất trí ly hôn.

Xét thấy, sau lần hòa giải ngày 11/3/2020 Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị H và anh H1 hòa giải lần 02 vào ngày 07/4/2020 nhưng anh H1 không đến tham gia phiên hòa giải và cũng không đến tham gia phiên tòa để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện anh H1 chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Tại đơn xin ly hôn ngày 22/02/2020 của chị H gửi Tòa án (có chữ ký của anh H1) thể hiện cuộc sống chung của chị H và anh H1 trong 06 năm đã sảy ra quá nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau, ngay từ ngày đầu chung sống chị H đã phải chịu đựng sự áp đặt, đe dọa từ phía anh H1. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của chị H và anh H1 vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị H được ly hôn với anh H1 là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**) Về con chung:* Anh H1 và chị H có 01 con chung là Hoàng Khánh L - sinh ngày 30/9/2015, hiện cháu đang ở với anh H1 kể từ khi anh chị sống ly thân với nhau tháng 02/2020. Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2020 và bản tự khai ngày 09/3/2020 chị H không có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L vì điều kiện về kinh tế còn khó khăn. Tại biên bản hòa giải ngày 11/3/2020 do anh H1 không có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L nên chị H sẽ nhận trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L. Tại phiên tòa chị H trình bày về thu nhập của chị H từ nghề bán hàng sản phẩm chăm sóc sức khỏe được khoảng 4.000.000 đồng - 5.000.000 đồng/1 tháng, có chỗ ở ổn định, chị đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L. Vì vậy, chị H đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và yêu cầu anh H1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu L là 500.000 đồng/1 tháng theo như nguyện vọng của anh H1 đã trình bày tại biên bản hòa giải ngày 11/3/2020.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù hiện tại cháu L đang ở với anh H1 nhưng do anh H1 không có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L vì cháu L là con gái, còn rất nhỏ cần đến sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nhiều hơn và anh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu L là 500.000 đồng/1 tháng. Còn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L; chị H có thu nhập và có chỗ ở ổn định, có điều kiện về thời gian, căn cứ vào những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng, học hành của cháu L; căn cứ vào mức lương tối thiểu hiện nay cũng như về mặt bằng giá cả thực tế tại địa phương, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu L, Hội đồng xét xử cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L và buộc anh H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu L mỗi tháng là 500.000 đồng kể từ ngày xét xử sơ thẩm 18/5/2020 là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân gia đình.

- *Về quan hệ tài sản:*

+ Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ lấy về: Không có.

*) *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Khúc Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn).

Theo quy định tại khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do anh H1 và chị H đã thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung trước khi mở phiên tòa, nên anh Hoàng Văn H1 chỉ phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án ly hôn).

***Vì các lẽ trên;***

**QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

**1. Về hôn nhân**: Chị Khúc Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn H1.

**2. Về con chung**: Giao con chung Hoàng Khánh L - sinh ngày 30/9/2015 cho chị Khúc Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Anh Hoàng Văn H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Hoàng Khánh L 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng)/1 tháng cho đến khi cháu L đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (18/5/2020).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**3. Về quan hệ tài sản**:

+ Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ lấy về: Không có.

**4. Về án phí**: Áp dụng khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn chị Khúc Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2016/0003351 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Hoàng Văn H1 phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án ly hôn).

**5. Về nghĩa vụ thi hành án:** Áp dụng Điều 351, 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (chị Khúc Thị H) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, hàng tháng bên phải thi hành án (anh Hoàng Văn H1) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự - người phải thi hành dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

**6. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự chị Khúc Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/5/2020). Anh Hoàng Văn H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Sam Mứn, huyện Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Tuyến**